

VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT Ở VÙNG VEN SÔNG HÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀO ĐẦU THẾ KỶ XIX QUA NGHIÊN CỨU ĐỊA BẠ TRIỀU NGUYỄN

*Phan Văn Thiệu**

TÓM TẮT

Vào đầu thế kỷ XIX, tình hình tư hữu ruộng đất diễn ra phổ biến trên phạm vi cả nước, đặc biệt là ở Nam Bộ. Trong khi đó ở khu vực Trung Trung Bộ, mặc dù vấn đề tư hữu ruộng đất khá phổ biến nhưng vẫn còn một tỷ lệ đáng kể ruộng đất công.

Ở vùng ven sông Hàn thành phố Đà Nẵng, tình hình ruộng đất vào đầu thế kỷ XIX được phản ánh khá rõ nét trong địa bạ triều Nguyễn. Về cơ bản ở đây vẫn tồn tại hai hình thức sở hữu ruộng đất là sở hữu công và sở hữu tư. Tuy vậy, do những hoàn cảnh và điều kiện cụ thể khác nhau tình hình ruộng đất ở khu vực ven sông Hàn có một vài nét khác biệt so với các vùng khác trong cả nước bài viết đi sâu về tình hình ruộng đất ở khu vực này nhằm tìm sự lý giải cho một số vấn đề về kinh tế, xã hội liên quan.

Từ khóa: ruộng đất, sở hữu, công điền, công thổ, tư điền, tư thổ.

1. Đặt vấn đề

Các triều đại quân chủ ở Việt Nam thường thực hiện chính sách “trọng nông”, vì vậy vấn đề ruộng đất được đặc biệt coi trọng. Mỗi triều đại có những chính sách ruộng đất khác nhau nhưng tất cả đều nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế nông nghiệp, ổn định đời sống xã hội.

Vào đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn được thành lập, tình hình tư hữu ruộng đất đã trở nên phổ biến. Để có thể quản lý và ban hành những chính sách phát triển nông nghiệp thích hợp, triều Nguyễn đã tiến hành đo đạc lại ruộng đất trong toàn quốc. Quá trình này đã kéo dài trong 31 năm, từ năm Gia Long thứ 4 (1805) đến năm Minh Mạng thứ 17 (1836). Với những ghi chép cẩn trọng, tỷ mỉ về diện tích từng loại ruộng đất, các hình thức sở hữu địa bạ triều Nguyễn đã cho chúng ta một cái nhìn toàn cảnh về tình hình ruộng đất ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XIX.

Vì những lý do khác nhau, vấn đề ruộng đất ở Đà Nẵng trước thế kỷ XX ít được đề cập tới, trong khi đó đây là một vấn đề hết sức quan trọng, phản ánh đời sống kinh tế, xã hội của cư dân địa phương. Nghiên cứu tình hình ruộng đất của vùng ven sông Hàn Đà Nẵng nhằm có cái nhìn đa chiều hơn về ruộng đất dưới triều Nguyễn, đồng thời nhận thức đúng hơn về một số vấn đề kinh tế xã hội ở địa phương này trong thế kỷ XIX.

2. Nội dung

2.1. Vài nét về tình hình ruộng đất ở Quảng Nam

Sách *Ô châu cận lục* của tác giả Dương Văn An soạn năm 1553 viết về tình hình ruộng đất ở huyện Điện Bàn như sau: “Huyện Điện Bàn. Đất đai liền với phương Nam, cương giới bên ngoài châu Ô. Dân lấy thóc làm giàu, nhà nông dùng trâu đập lúa” [1]. Sách *Phủ biên tạp lục* của tác giả Lê Quý Đôn viết năm 1776 chép: “Căn cứ vào sổ bộ ruộng đất năm Giáp Thân (1764) và năm Đinh Hợi (1767), hai huyện An Nông và Diên Khánh thuộc phủ Điện Bàn thực trưng ruộng là 23.817 mẫu 5 sào 8 thước 1 tấc 5 phân theo lệ nạp lúa là 538.019 thăng. Hai huyện Hòa Vang và Tân Phước thực trưng ruộng

là 17.125 mẫu 10 thước 4 tấc. Theo lệ nạp lúa là 385.436 thăng 1 hợp” [2]. “Ruộng công của các tổng thuộc xã thôn và ruộng tư của các họ số mẫu rất nhiều” [3].

Năm 1812, triều Nguyễn cho lập địa bạ toàn bộ ruộng đất ở Quảng Nam. Theo đó, dinh Quảng Nam có 2 phủ, 5 huyện, 29 tổng, 15 thuộc, 1.046 làng (937 làng còn địa bạ và 109 làng mất địa bạ) [4:81]. Căn cứ vào địa bạ cho thấy, về mặt chế độ sở hữu, ruộng đất ở Quảng Nam được chia thành hai loại: công điền công thổ và tư điền tư thổ.

Trước khi tìm hiểu cụ thể về tình hình ruộng đất ruộng đất, xin cung cấp bảng đối chiếu về đơn vị đo đạc ruộng đất như sau:

Bảng 1. Biểu đồ diện tích ruộng đất bằng thước ruộng

Tên đơn vị	Rộng bằng	Mỗi cạnh	Đổi ra hệ m ²
Mẫu	10 sào	150th x 150th	4894,4016
Sào (cao)	15 thước	15th x 150th	489,44016
Thước (xích) (th)	10 tấc	1th x 150th	32,639344
Tấc (thôn)	10 phân	1 tấc x 150th	3,2639344
Phân (ph)	10 ly	1ph x 150th	0,3263934
Ly	10 hào	1 ly x 150th	0,032639
Hào	10 hốt	1 hào x 150th	0,003263
Hốt	10 ty	1 hốt x 150th	0,000326
Ty		1 ty x 150th	0,000032

Ví dụ: Diện tích ruộng đất 29137.6.9.4.7.6 được hiểu là 29137 mẫu 6 sào 9 thước 4 tấc 7 phân 6 ly.

Cụ thể diện tích công điền công thổ, tư điền tư thổ ở Quảng Nam như sau:

Bảng 2. Bảng thông kê cơ cấu sở hữu ruộng đất ở Quảng Nam
(Căn cứ Địa bạ triều Nguyễn)

Đơn vị: mẫu-sào-thước-tấc-phân-ly

Hình thức sở hữu ruộng đất	Diện tích	Tỷ lệ (%)
- Công điền, quan điền	29137.6.9.4.7.6	20,18
- Công thổ, quan thổ	1205.4.0.9.4.1	0,84
- Dân cư thổ	14.5.0.0	0,01
- Thần từ, Phật tự, thổ thành, mộ địa	4317.2.6.6.2	2,99
Cộng (công điền thổ)	34674.8.2.0.3.7	24,02
- Tư điền	92863.7.10.5.0.8	64,32
- Tư thổ	16829.5.2.4.3.2	11,66
Cộng (tư điền thổ)	1.9693.2.12.9.4	75,98

[4:90]

Qua bảng thông kê cho thấy diện tích ruộng đất thuộc sở hữu nhà nước ở Quảng Nam (công điền công thổ) chiếm tỷ lệ 24,02 %. Đây là một tỷ lệ đáng kể, nếu so sánh với Nam Bộ, diện tích ruộng đất công chỉ chiếm tỷ lệ 6,52 % [5]. Điều này cho thấy

mặc dù chế độ tư hữu ruộng đất ở Quảng Nam vẫn chiếm tỷ lệ lớn (75,98 %), nhưng chưa đến tình trạng bức xúc như ở Nam Bộ, vẫn còn một bộ phận đáng kể ruộng đất để chia cho những người không có ruộng đất... Vì vậy ở đây chưa cần thực thi chế độ công điền công thổ triệt để.

2.2. Tình hình ruộng đất ở vùng ven sông Hàn nửa đầu thế kỷ XIX

Dựa vào địa bạ triều Nguyễn, tình hình ruộng đất của các làng xã ven sông Hàn và một số làng xã lân cận vào năm 1812, khi lập địa bạ như sau:

- Xã An Hải: *Toàn diện tích: 851.3.0.8; tư điền: 135.2.13.1; tư điền của người nơi khác: 1.5.2.7; hoang nhàn: 701.7.0.0 (4 khoảnh); cát trắng: 13.0.0.0 (2 khoảnh); đầm 1 sớ; bờ đắp 1 bờ* [4:145].

- Xã Cổ Mân: *Toàn diện tích: 206.5.9.1.8; công điền: 62.7.2.2; tư điền: 55.6.4.8; mộ địa: 6.2.10.5; đất nước mặn: 0.9.5.0; hoang nhàn: 81.1.0.0* [4:147-148].

- Xã Hóa Khuê Đông: *Toàn diện tích: 927.3.13.6; công điền: 58.9.0.0; tư điền: 157.6.6.1; hoang nhàn: 710.8.7.5; khe cừ 467 tầm 3 thước; thủy đạo 20 tầm 3 thước* [4:148].

- Xã Mỹ Thị: *Toàn diện tích: 35.5.0.0; cát trắng: 8.0.0.0; mộ địa: 12.5.0.0; hoang nhàn: 15.0.0.0; ruộng động nước 7 sớ* [11]. [4:149].

- Xã Nam An: *Toàn diện tích: 351.1.9.0; tư điền: 33.2.9.0; phạt tự: 0.3.0.0; mộ địa: 54.0.0.0; hoang nhàn: 263.6.0.0* [12]. [4:149-150].

- Xã Phúc Trường: *Toàn diện tích: 153.1.5.7; tư điền: 7.4.5.7; thần từ: 1.3.0.0; hoang nhàn: 144.4.0.0* [13]. [4:150].

- Xã Tân An: *Toàn diện tích: 59.5.6.5; tư thổ (đất bãi): 37.0.0.0; tư điền của người nơi khác: 2.5.6.5; hoang nhàn: 20.0.0.0; Khe 100 tầm* [4:150].

- Xã Thạch Tượng Quán Khái: *Toàn diện tích: 693.8.5.7; công điền: 44.5.6.9; tư điền: 76.7.1.7; công điền cho nơi khác: 29.5.12.1; thần từ phạt tự: 3.0.0.0; hoang nhàn cát trắng: 540.0.0.0 (10 khoảnh); thủy đạo: 225 tầm; bàu 2 sớ* [4:152].

- Xã Quán Khái: *Toàn diện tích: 787.9.6.4; công điền: 64.6.0.2; tư điền: 114.2.1.0; tư điền của người nơi khác: 4.1.5.2; thần từ: 3.0.0.0; mộ địa: 102.0.0.0; hoang nhàn, thổ phụ: 500.0.0.0; thủy đạo 50 tầm* [4:207].

- Hải Châu chính xã: *Toàn diện tích: 140.2.7.8; mộ địa: 20.2.13.5; cát trắng: 21.9.11.4; hoang nhàn: 97.9.12.9; đồ ngang 150 tầm (1 sớ)* [4:285].

- Xã Nại Hiên Đông Tây: *Toàn diện tích: 20.8.10.4; tư thổ (trồng dâu): 0.5.0.0; tư điền của người nơi khác: 8.0.3.9; thần từ: 1.4.7.5; mộ địa: 2.9.14.5; cát trắng: 6.1.0.0; hoang nhàn: 1.7.14.5; muối 65 nại* [4:288].

- Xã Mỹ Khê: *Toàn diện tích: 323.6.4.0; tư điền: 10.6.4.0; hoang nhàn cát trắng: 313.0.0.0* [4:335].

- Xã Hóa Khuê Trung Tây: *Toàn diện tích: 1566.0.3.9; công điền: 29.5.0.0; tư điền: 265.6.12.8; tư điền trại: 57.8.5.1; tư thổ (trồng dâu): 4.4.0.0; tư điền của người nơi khác: 2.6.5.0; thần từ: 3.0.0.0; thổ phụ: 26.0.0.0; hoang nhàn: 1176.9.11.0; đường thiên lý 1279 tầm; khe 330 tầm; thủy đạo 69 tầm 4 thước; ruộng muối 298 nại; đồ ngang 1 sớ; bờ đắp 5 bờ* [4:280]. Qua tình hình ruộng đất ở vùng ven sông Hàn và một

số làng xã khu vực lân cận cho thấy, các làng xã ở khu vực này có diện tích ruộng đất không lớn, xã có diện tích nhiều nhất là Hóa Khuê Trung Tây với diện tích 1566 mẫu 3 thước 9 tấc (xã có diện tích lớn thứ 3 Quảng Nam [4:372].sau xã Thanh Hà và xã Hà My). Tuy nhiên diện tích sử dụng chỉ chiếm 389 mẫu 7 thước 9 tấc, còn lại là đất hoang nhàn (chiếm hơn 1176 mẫu 9 sào 11 thước). Đa phần các làng xã khác, diện tích ruộng đất rất ít. Sở dĩ có tình trạng này là vì khu vực ven sông Hàn và vùng lân cận là khu vực ven sông, ven biển cho nên diện tích đất sử dụng được rất ít, hầu hết là đất hoang nhàn cát trắng. Điều này phản ánh khu vực ven sông Hàn và vùng phụ cận không phải là khu vực có thể mạnh về nông nghiệp.

2.3. Chế độ sở hữu ruộng đất vùng ven sông Hàn và thành phố Đà Nẵng

Dựa vào tình hình ruộng đất ở vùng ven sông Hàn vào đầu thế kỷ XIX, chúng tôi tiến hành phân loại ruộng đất thành hai loại hình sở hữu là sở hữu công (công điền công thổ) và sở hữu tư (tư điền tư thổ) như sau:

Bảng 3. Bảng thống kê cơ cấu sở hữu ruộng đất các làng xã ven sông hàn
(đầu thế kỷ XIX)

Đơn vị: mẫu – sào – thước – tấc

STT	Tên làng xã	DT ruộng đất công điền công thổ	DT ruộng đất tư điền tư thổ	Tỷ lệ ruộng đất công điền công thổ (%)
1	An Hải	0	136.6.0.8	0,00
2	Cổ Mân	68.9.12.7	55.6.4.8	55,30
3	Mỹ Thị	12.5.0.0	0	100
4	Hóa Khuê Đông	58.9.0.0	157.6.6.1	27,21
5	Nam An	54.3.0.0	33.2.9.0	62,06
6	Phúc Trường	1.3.0.0	7.4.5.7	19,40
7	Tân An	0	39.5.6.5	0,00
8	Thạch Tượng Quán Khái	77.1.4.0	76.7.1.7	50,13
9	Quán Khái	169.6.0.2	118.3.6.2	58,91
10	Hải Châu chính xã	20.2.13.5	0	100
11	Nại Hiên Đông Tây	4.4.7.0	8.5.3.9	34,11
12	Mỹ Khê	0	10.6.4.0	0,00
13	Hóa Khuê Trung Tây	32.5.0.0	330.5.7.9	9,83
Tổng cộng		499.9.7.4	974.8.11.6	33,90

Qua bảng thống kê cho thấy diện tích công điền công thổ ở vùng ven sông Hàn

chiếm tỷ lệ khá lớn (33,90 %), lớn hơn tỷ lệ công điền công thổ ở Quảng Nam (24,02 %) [22] và Nam Bộ (6,52 %) [23]. Trong đó các làng Mỹ Thị, Hải Châu, diện tích công điền công thổ lại chiếm tỷ lệ 100 %. Còn các làng An Hải, Tân An, Mỹ Khê diện tích công điền công thổ chỉ chiếm 0 %. Như vậy ở các làng này không còn ruộng công. Còn lại các làng khác vừa có công điền công thổ lẫn tư điền tư thổ, trong đó diện tích tư điền tư thổ chiếm tỷ lệ lớn hơn.

Như vậy, phần lớn diện tích ruộng đất ở vùng ven sông Hàn vẫn là thuộc sở hữu tư nhân. Điều này nói lên rằng, trong thời kỳ nhà Nguyễn, tình hình tư hữu ruộng đất đã trở nên phổ biến không chỉ ở Nam Bộ mà cả ở Trung Bộ.

3. Nhận xét

Qua việc tìm hiểu về tình hình ruộng đất các làng xã ven sông hàn và lân cận hồi đầu thế kỷ XIX, bài viết xin đưa ra một vài nhận xét sau đây:

Thứ nhất, cho đến đầu thế kỷ XIX, khu vực ven sông Hàn và lân cận không phải là vùng có thế mạnh về kinh tế nông nghiệp. Điều này được thể hiện diện tích điền thổ (đất ruộng) của các làng rất ít, thậm chí có một số làng không có đất điền thổ (như: Hải Châu, Mỹ Thị). Điều này có thể được giải thích rằng, các làng xã này hầu hết nằm gần biển, đất chủ yếu là đất cát, vì vậy đất dành cho sản xuất nông nghiệp khá khiêm tốn. Điều này cũng lý giải được phần nào vì sao các làng xã ven sông Hàn và phụ cận không phải là các làng thuần nông như mô hình làng truyền thống của Việt Nam mà các làng ở khu vực này lại có sự đa dạng trong các hoạt động kinh tế.

Thứ hai, phần lớn diện tích ruộng đất ở khu vực ven sông Hàn là thuộc sở hữu tư nhân. Tuy nhiên tình hình tư hữu ruộng đất ở các ven sông Hàn và một số làng phụ cận chưa đến mức nghiêm trọng. Với tỷ lệ tư hữu chiếm 66,10 % là một con số chấp nhận được nếu so sánh với các khu vực khác vào cùng thời gian. Điều này có được một phần là do đất đai khu vực này không nhiều, các chủ sở hữu lớn không có dẫn quá trình tư hữu hóa diễn ra chậm. Do vậy chế độ quân điền vẫn có thể áp dụng được.

Thứ ba, ở vùng ven sông Hàn và khu vực phụ cận không có các chủ sở hữu ruộng đất lớn. Điều này được lý giải là do việc vùng đất này đã được khai phá từ khá sớm (trong các thế kỷ XV, XVI và XVII), đất đai ít dẫn đến việc sở hữu nhiều ruộng đất là rất khó. Trong quá trình đó nhà nước lại tiến hành “trung công” ruộng đất tư [maydadciem, 74] nên diện tích ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân bị giảm đáng kể. Đây là một đặc điểm khác biệt so với các làng xã ở Nam Bộ khi mà các chủ sở hữu lớn (sở hữu trên 100 mẫu) chiếm số lượng khá lớn.

Trên đây là vài nét về tình hình ruộng đất ở vùng ven sông Hàn và một số làng xã phụ cận. Nhìn chung, tình hình sở hữu ruộng đất ở khu vực này không khác nhiều so với các khu vực khác ở Trung Trung Bộ. Nó phản ánh những nét khá riêng biệt về tình hình ruộng đất ở khu vực này so với Bắc Bộ và Nam Bộ. Mặt khác, thông qua tìm hiểu về vấn đề ruộng đất cũng có thể gợi mở ra một số vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội ở khu vực này. Do vậy việc tìm hiểu về vấn đề ruộng đất sẽ giúp làm rõ thêm nhiều vấn đề của lịch sử, văn hóa vùng Trung Trung Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Văn An (2001), *Ô châu cận lục*, nxb Thuận Hóa, Huế, tr 72.
- [2] Lê Quý Đôn (1962), *Phủ biên tạp lục*, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 259-260.
- [3] Lê Quý Đôn (1962), *Phủ biên tạp lục*, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr138.
- [4] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 81.
- [5] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 46.
- [6] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 90.
- [7] Nguyễn Đình Đầu (1999), *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khai hoang lập ấp ở Nam Kỳ lục tỉnh*, nxb Trẻ, TpHCM, tr 119.
- [8] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 145.
- [9] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 147-148.
- [10] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 148.
- [11] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 149.
- [12] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr 149-150.
- [13] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 150.
- [14] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 151.
- [15] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 152.
- [16] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 207.
- [17] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 285.
- [18] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 288.
- [19] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 339.

- [20] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 280.
- [21] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam II*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 372.
- [22] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 90.
- [23] Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Dinh Quảng Nam I*, nxb Đại học quốc gia TpHCM, tr 119.

THE FEATURES OF FARM LAND SITUATIONS IN THE AREA ALONG HAN RIVER IN DA NANG CITY IN EARLY XIX THROUGH THE STUDY OF LAND REGISTER DOCUMENT UNDER NGUYEN DYNASTY

Phan Van Thieu

Ho Chi Minh University of Education

ABSTRACT

In early nineteenth century, private ownership of farm land spread nationwide, especially in the Southern Region. In spite of this situation, farm land under public-ownership in the Central Region accounted for a significant proportion.

In the area along Han river in Da Nang City, the situation of farm land in early nineteenth century was clearly reflected in Land register document under Nguyen Dynasty. Basically, popular forms of farm land ownership here were public and private ownership. However, different conditions here resulted in distinguished features of land ownership in comparison with other areas in the country. The land farm situation in this area is studied with a view to comprehending some related socio-economic issues.

Keywords: farm land, ownership, public land, public property, private property.

*Phan Văn Thiệu, Email: thieuvan200484@yahoo.com Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh